



jiù shēng yī
救生衣

noun · life jacket

Example Sentences

shàng chuán qián qǐng chuān hǎo jiù shēng yī
上船前请穿好救生衣。

Please put on a life jacket before boarding the boat.

jiù shēng yī de yán sè tōng cháng shì chéng sè huò huáng sè
救生衣的颜色通常是橙色或黄色。

Life jackets are usually orange or yellow.

Trace each character, then write the word on your own.

救	救	救	救	救	救	救	救	救	救	救
救	救	救								
生	生	生	生	生	生	生	生			
衣	衣	衣	衣	衣	衣	衣	衣	衣		